

MỘT SỐ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TRONG THẾ GIỚI TOÀN CẦU HÓA NGÀY NAY

NGUYỄN CHÍ TÌNH^(*)

Những năm gần đây, đã có nhiều công trình ở các mức độ khác nhau, bao quát hoặc bộ phận, lý thuyết hoặc phản ánh thực tế, liên tục được công bố liên quan đến những vấn đề giáo dục trên thế giới. Căn cứ trên những tài liệu có được, chủ yếu là của nước ngoài, bài viết này ghi lại những vấn đề nảy sinh và tồn tại trong lý luận và thực tiễn của giáo dục ở nhiều nước khác nhau. Trong phạm vi có hạn của một bài viết, chúng tôi xin đề cập đến 4 vấn đề:

I. Yêu cầu phổ cập giáo dục trong một thế giới có khoảng cách ngày càng lớn giữa nước giàu và nước nghèo, người giàu và người nghèo

Trong một công bố năm 2006, UNESCO đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tiếp cận phổ biến đối với giáo dục, yêu cầu tạo thành “cơ sở của một nền giáo dục mở và không biên giới, phổ cập, nhân đạo, không phân biệt đối xử và có đạo đức (...), không nhất thiết xuất phát từ một trung tâm để phân phối kiến thức, nhưng tìm cách đáp ứng nhu cầu của những người đòi hỏi kiến thức, khoa học và công nghệ” (1).

Tuy vậy, yêu cầu đó, từ cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ mới này đã gặp ngay một rào cản vốn có từ lâu nhưng

không có dấu hiệu suy yếu, ngược lại còn tăng lên, đó là: sự nghèo khổ của rất nhiều người trên thế giới, và ở khía cạnh xã hội - con người, thì chính là sự cách biệt lớn giữa người giàu và người nghèo. Đói nghèo ngày nay đang trở thành vấn đề toàn cầu: trên thế giới hiện có 3 tỷ người sống ở mức dưới 2 USD/ngày, trong đó 1,3 tỷ người dưới 1 USD/ngày. Khoảng trên 50 nước thuộc thế giới thứ ba thường xuyên phải đối mặt với nạn đói. Gần 30 cuộc chiến tranh giữa các dân tộc khiến khoảng 25 triệu người phải tị nạn và trở thành những người thiếu ăn trước khi thiếu học. Trong khi đó, dù với những nỗ lực kế hoạch hóa dân số, thì theo các chuyên gia, trong khoảng 2010 đến 2015, dân số trên thế giới tiếp tục tăng với mức 1,2%/năm, riêng khu vực nghèo khổ nhất là châu Phi thì trên 2%. Điều đó có nghĩa là tình trạng nghèo khổ trên đây vẫn tiếp tục diễn ra, vì trên thực tế nhân loại vẫn chưa có một biện pháp xóa đói giảm nghèo nào. Một điều hiển nhiên là sự phát triển của giáo dục gắn liền về cơ bản với sự phát triển kinh tế, và dĩ nhiên, tình trạng nghèo khổ như vậy cản trở rất nhiều đến sự nghiệp giáo dục.

^(*) Viện Thông tin Khoa học xã hội.

Trong tình trạng chung về cách biệt giàu nghèo, tồn tại sự bất bình đẳng rất lớn trong phát triển giáo dục giữa các nước và giữa các tầng lớp người trong một nước. Hiện nay 10 nước công nghiệp hóa phát triển nhất với dân số khoảng 1/10 dân số thế giới, lại chiếm đến 4/5 của cải, trong khi đó, hàng năm, 80% lợi nhuận của thương mại và đầu tư thế giới lại quay về các nước đó. Chính vì vậy mà các nước công nghiệp hóa chỉ có 25% học sinh từ mẫu giáo đến trung học của toàn thế giới, 16% cư dân thế giới dưới 15 tuổi, lại chiếm đến 88% chi tiêu công cộng cho giáo dục. Ở Hoa Kỳ, việc nuôi một đứa trẻ cho đến tuổi vào tiểu học tiêu tốn số tiền gấp 200 - 300 lần một đứa trẻ ở Indonesia chẳng hạn. Một cô gái Mỹ, trong khoảng 20 năm trước khi trở thành sinh viên đại học tiêu tốn khoảng 300 ngàn USD, số tiền có thể bảo đảm cho một gia đình trung lưu ở các nước đang phát triển sinh sống trong 100 năm. Tính trung bình, chi tiêu cho giáo dục ở các nước phát triển nhiều gấp từ 20 đến 25 lần so với các nước đang phát triển (dẫn theo: 4).

Ngay trong một quốc gia, người nghèo thường là những người không thể học được ở các trường học tốt, và nhất là không thể học lên cao. Không ít trong số họ, trong đà phát triển của khoa học công nghệ hiện đại, khi nảy sinh những nghề nghiệp mới, yêu cầu mới về lao động, đã trở thành nhóm người “mất chất lượng”, “không dùng được”, và như thế sẽ bị truất chỗ, bị loại bỏ. Và nếu chưa bị gạt ra khỏi thị trường lao động thì sự thụ hưởng những thành tựu vật chất cũng không thuộc về những người nghèo, nghĩa là những người không có điều kiện học lên cao. Ở những nước đã bước vào thời kỳ hậu công nghiệp, trong khoảng 10 năm qua, người ta tính rằng

lương của các nhà khoa học thực thụ tăng 2 lần, của những người có bằng thạc sĩ tăng 25%, của những người chỉ tốt nghiệp đại học thì đứng yên tại chỗ, còn những người có trình độ trung cấp trở xuống lại giảm 25%. Rõ ràng là cơ hội không dành ngang nhau cho những người giàu và những người nghèo.

Vấn đề kinh phí cho giáo dục, dù đó là kinh phí do nhà nước bỏ ra hay do người dân đóng góp, đang là một thách thức lớn đối với nền giáo dục thế giới, cụ thể đối với mục tiêu giáo dục phổ cập, giáo dục xã hội hóa mà các chương trình giáo dục đề ra. Để giải quyết vấn đề này, đã có nhiều ý kiến của các nhà lãnh đạo giáo dục và các chuyên gia như: tăng thêm số học sinh cho mỗi lớp học, sử dụng những công nghệ giáo dục mới, giảm tỷ lệ học sinh lưu ban, phi tập trung hóa quản lý kèm theo tư nhân hóa, đặc biệt, người ta nêu vấn đề sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí công cộng, trong đó có mục tiêu cấp bách là chống tham nhũng. Người ta cũng nói nhiều đến sự viện trợ cả về vật chất, tinh thần, nhân lực của các nước giàu đối với các nước nghèo dưới những hình thức đa dạng nhất. Nhưng, tất cả những biện pháp đó đều không dễ dàng thực hiện trong một sớm một chiều, và như kinh nghiệm cho thấy, đều không thể giải quyết được cơ bản vấn đề kinh phí cho giáo dục. Thế giới có kẻ giàu người nghèo này cũng không cho phép lĩnh vực giáo dục hoạt động theo những quy luật riêng với những ưu đãi riêng.

II. Vấn đề tư nhân hóa giáo dục

Có thể nói, hiện nay, tư nhân hóa giáo dục đã trở thành một trào lưu trên toàn thế giới. Tư nhân hóa ở đây cũng được hiểu theo định nghĩa chung mà giáo sư Mark Bray ở Đại học Tổng hợp

Hong Kong đã nêu lên: “Đó là một quá trình chuyển từ phương thức sở hữu, cấp kinh phí và/hoặc kiểm soát ít hoặc nhiều có tính công cộng sang một phương thức sở hữu, cấp kinh phí và/hoặc kiểm soát có tính chất tư nhân nổi bật hơn” (2).

Cho đến nay, người ta có thể nhìn lại những động cơ dẫn đến tư nhân hóa, ở bình diện chủ trương nhà nước cũng như ở bình diện sự năng động của xã hội:

- Giải quyết vấn đề kinh phí.

- Nhằm mục tiêu sinh lợi, đặt nhà trường vào vị trí một địa điểm kinh doanh.

- Động viên năng lực của toàn xã hội vào sự nghiệp giáo dục, thể chế hoá công tác xã hội hoá giáo dục.

- Đa dạng hóa các hình thức tập hợp, tổ chức và quản lý giáo dục.

Đặc biệt, đối với nhiều nước đang phát triển, tư nhân hóa hiện được coi như một quốc sách về giáo dục với những kỳ vọng rất lớn.

Tuy vậy, bản thân quá trình tư nhân hóa cũng không đơn giản và giống nhau trong mọi trường hợp. Hiện nay, người ta thấy có 4 sách lược tư nhân hóa:

- Chuyển giao sở hữu các trường công lập cho tư nhân.

- Thành lập các trường tư nhân mới coi như sự chuyển dịch cân đối khu vực.

- Đầu tư của tư nhân vào các trường nhà nước.

- Đầu tư của nhà nước vào các trường tư nhân.

Với hai hình thức sau, thì tỷ lệ về số vốn đầu tư và quyền kiểm soát giữa nhà nước và tư nhân phải đến một mức nhất định mới được gọi là trường học thuộc

khu vực tư nhân. Hiện nay, chưa có một tổng kết nào thật đầy đủ và hoàn toàn chính xác về kết quả giáo dục của các trường học tư nhân so với các trường học công lập. Trong các khảo sát gần đây, người ta thấy nổi lên một số vấn đề:

a) Hiệu suất giáo dục

Đây là điểm quy tụ những cuộc tranh luận về tư nhân hóa. Rất nhiều ý kiến cho rằng tư nhân hóa đã làm tăng hiệu suất của giáo dục như các kết quả nghiên cứu ở Columbia, Dominica, Tanzani, Thailand, Philippines, v.v... Nhưng có một số nghiên cứu khác cho kết quả ngược lại, như ở Ấn Độ, đặc biệt ở bang Tamil Nadu. Như vậy, không thể kết luận đơn giản tư nhân hóa dẫn đến hiệu suất giáo dục tốt, vì ngay trong một vùng, một quốc gia, khi so sánh một số trường hợp có điều kiện kinh phí, cơ sở hạ tầng như nhau thì hiệu suất giáo dục lại không giống nhau.

b) Vấn đề trách nhiệm

Lập luận cho rằng tinh thần trách nhiệm của các trường học tư nhân cao hơn dựa vào hai giả định: a) khi phụ huynh trả tiền học phí cho con cái thì họ thường có khuynh hướng đòi hỏi nhiều hơn ở nhà trường; b) nhà trường và các giáo viên sẵn sàng hơn để lắng nghe ý kiến của phụ huynh, vì đó là những “khách hàng” có quyền rút đi bất cứ lúc nào.

Các giả định trên đây có vẻ như đúng đắn, đặc biệt khi người ta nhận thấy, chẳng hạn, trong cuộc điều tra tiến hành ở Hà Lan, các trường học tư nhân tỏ ra tôn trọng ý kiến của các bậc phụ huynh và quản lý tốt hơn nguồn tài chính của họ. Tuy vậy, lại có không ít thí dụ ở nhiều nước khác, đặc biệt ở các nước đang phát triển và các nước châu Phi, tiếng nói của các bậc phụ huynh cũng không có trọng lượng gì hơn ở các

trường công lập, thậm chí, nhiều phụ huynh cũng không quan tâm đến điều đó, và không hề nhắc đến phương châm “khách hàng là thượng đế”.

c) Vấn đề tính đa dạng

Rõ ràng là các trường học tư nhân đã mang lại một bộ mặt đa dạng hơn cho các nền giáo dục: chẳng hạn, trước đây, ở các trường học công chương trình học không có các môn về nghệ thuật, thể thao, sau khi các trường học tư nhân ra đời, người ta thấy xuất hiện những chương trình học tập xen kẽ dành cho thể thao, âm nhạc, nghệ thuật; với các nhóm sắc tộc, ngôn ngữ, tôn giáo khác nhau, người ta có kế hoạch đưa vào chương trình những nội dung giáo dục phù hợp, tuy nhiên không phá bỏ chương trình chung. Việc giảng dạy ngoại ngữ cũng được các trường tư nhân xử lý dựa trên yêu cầu cụ thể của dân cư từng địa phương.

Tuy vậy, vấn đề hiện nay vẫn là thái độ của nhà nước và của xã hội đối với sự đa dạng ngày càng tăng của các trường học tư nhân. Có những chính phủ coi đó là một tín hiệu tốt lành, là sự giải quyết nhu cầu đa dạng về văn hóa và xã hội trong nhân dân. Chính phủ Ba Lan coi trường học tư nhân có thể “đóng vai trò phòng thí nghiệm xã hội bằng cách tìm ra những giải pháp mới về giảng dạy, tài chính và kết cấu chương trình” (3).

Tuy nhiên, sự đa dạng này lại là mối đe dọa theo cách nhìn nhận của một số chính phủ. Họ cho rằng càng có sự đa dạng thì các trường học và nền giáo dục nói chung càng vượt ra ngoài tầm kiểm soát của nhà nước. Ở những thời điểm khác nhau, các trường học tư nhân đã bị cấm ở nhiều nước như Pakistan, Sri Lanka, hay Zaire (thuộc Angola) (dẫn theo: 2).

d) Vấn đề sự bình đẳng trong giáo dục

Lúc đầu, nhiều người nghĩ rằng, có sự phát triển trường học tư nhân, thì nền giáo dục nói chung có sự mở cửa rộng rãi và nhân dân có điều kiện để trở thành bình đẳng trước cửa nhà trường, chí ít cũng có điều kiện để lựa chọn các trường học theo ý muốn. Một phần nào hiện thực đã chứng minh nhận định đó. Nhưng, đồng thời, cũng chính hiện thực cho thấy nảy sinh không ít vấn đề xung quanh yêu cầu bình đẳng. Không ít trường tư đặt yêu cầu giảng dạy cao, nhằm vào các đối tượng gia đình giàu có, cho nên, học phí cũng rất cao và hầu như không một con em nhà nghèo nào với tới được. Hơn thế, một số trường tư có thể lực lại dùng đồng lương và những chế độ ưu đãi khác lôi kéo những giáo viên giỏi nhất và mua sắm những thiết bị giảng dạy tốt nhất. Như thế, nhanh chóng hình thành ba loại trường tư: trường có chất lượng cao, chất lượng vừa, và chất lượng thấp.

e) Sự kiểm soát của quyền lực công cộng

Vấn đề này cũng là vấn đề không được giải quyết thống nhất. Có những nước như Hoa Kỳ, Canada, các nước Tây Âu thì các trường tư nhân có quyền độc lập và tự giải quyết những vấn đề của mình gần như một cách trọn vẹn. Kiểm soát duy nhất của nhà nước đối với họ là hệ thống pháp luật chung của cả nước và những kết quả học tập được đánh giá qua các kỳ thi hay qua những cuộc thanh tra có bài bản. Không giống như thế, ở các nước châu Á, như Trung Quốc, Hàn Quốc, và kể cả Nhật Bản, sự kiểm soát của nhà nước nói chung vẫn rất chặt chẽ. Ở đây, người ta không vin vào sự độc lập về kinh phí đối với nhà nước để đòi hỏi sự độc lập về quản lý và giảng dạy. Những tư nhân đứng ra mở trường học đều xuất phát từ hai lý do mà nhà

nước không chịu trách nhiệm: tham vọng đóng góp cho sự nghiệp giáo dục chung (lòng yêu nước) và tham vọng thu lợi nhuận bằng kinh doanh giáo dục.

III. Mối quan hệ giữa dân tộc, bản sắc dân tộc và toàn cầu hóa trong giáo dục

Trong toàn cầu hóa, đây có lẽ là vấn đề phức tạp nhất, dai dẳng nhất và cũng khó giải quyết nhất đối với văn hóa nói chung và ngành giáo dục nói riêng. Phương hướng chung về mối quan hệ này có lẽ đã được nói đến từ lâu và cũng không gặp nhiều tranh cãi về mặt nguyên tắc. Trong tuyên bố của tổ chức UNESCO, liên quan đến các chương trình cải cách giáo dục, có nói: “Những chương trình đó dành nhiều vị trí hơn cho sự truyền bá một nền văn hóa hòa bình và không còn chỉ liên quan đến những bản sắc dân tộc, ở một thời đại được đánh dấu bằng sự thâm nhập văn hóa lẫn nhau ngày càng lớn: không phi dân tộc hóa giáo dục, nhưng đã đến lúc phổ biến hóa giáo dục, trong tất cả mọi nghĩa của từ này, để chuẩn bị cho thanh niên sống với sự đa nguyên và đón nhận sự lai tạp văn hóa” (1).

Dưới góc độ thời đại và khoa học, V.I. Tolstykh cũng nhấn mạnh: “Hiện nay, nền văn minh thế giới đang bước vào giai đoạn của chủ nghĩa toàn cầu “trưởng thành”, đang diễn ra bước quá độ từ quốc tế hóa sang xuyên quốc gia hóa, xuất hiện và hình thành những hình thức có tính chất chung toàn thế giới trong việc tổ chức sự tồn tại của con người” (4).

Thực ra, vấn đề không đơn giản như trong phương châm lý thuyết. Như vậy, ở đây, nền giáo dục mang tính hai mặt vì vừa phải thích ứng với yêu cầu dân tộc, bản sắc dân tộc, nhưng đồng thời lại phải thích ứng với nền văn minh toàn

cầu hóa hay nền văn minh xuyên quốc gia. Nền giáo dục này không khỏi gây nên những sự căng thẳng về văn hóa xã hội. Như Prasenjit Duara đã nói: “Do sự thôi thúc về mặt tinh thần đối với một nền văn minh có xu hướng phổ cập nên các biên giới quốc gia rốt cuộc lại trở thành khiên cứng và bị giới hạn. Quan điểm siêu việt về văn minh, do vậy, có thể cho phép một sự chỉ trích đối với quốc gia và... có thể làm nảy sinh một vấn đề là lòng trung thành bị phân ra vừa cho quốc gia vừa cho văn minh” (5).

Theo nhìn nhận chung của nhiều chuyên gia giáo dục thì hai thách thức lớn đối với ngành giáo dục của những nước chấp nhận toàn cầu hóa là *bản sắc* và *quyền công dân*. Về mặt văn hóa, bất cứ một nền giáo dục nào cũng phải làm cho con người thấm nhuần sâu sắc bản sắc dân tộc, tôn thờ những tinh hoa của bản sắc đó; về mặt quyền công dân, bất cứ một nền giáo dục nào cũng nỗ lực đào tạo con người thành những công dân tốt, biết thực hiện nghĩa vụ trước hết đối với quốc gia dân tộc. Trong khi đó, thì yêu cầu của sự hội nhập và toàn cầu hóa lại buộc mọi quốc gia, dân tộc mở rộng cửa để đón nhận những trào lưu tư tưởng và văn hóa của nước ngoài, thậm chí, trồng cấy một phần vào nước ngoài để phát triển nền giáo dục của mình. Sự mở cửa này được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, chỉ riêng nói về ngành giáo dục: cho phép rất nhiều sinh viên trẻ tuổi đi học ở nước ngoài, tiếp nhận nhiều chuyên gia giáo dục nước ngoài, phổ biến tài liệu giáo dục nước ngoài, không loại trừ các tài liệu KHXH&NV, trong đó có rất nhiều vấn đề về tư tưởng, quan niệm sống, và cả lập trường chính trị. Hiện nay, các nước thế giới thứ ba lại bắt đầu để cho nước ngoài đầu tư vào các cơ sở giáo dục đại học và

chuyên nghiệp ngay tại nước mình. Tất cả những điều đó đang đe dọa nghiêm trọng cái gọi là bản sắc dân tộc và ý thức quốc gia.

Giải quyết vấn đề này là một quá trình không giống nhau ở từng quốc gia, tùy theo vị thế, tình hình, tiềm năng cụ thể của từng quốc gia, và nhất là tùy theo quan niệm, tư tưởng của những người có quyền quyết định phương hướng phát triển của nền giáo dục quốc gia.

IV. Cân bằng sự giáo dục khoa học tự nhiên - kỹ thuật và khoa học xã hội - nhân văn

Một nhận xét chung là trong nửa thế kỷ qua, trên toàn thế giới, khoa học tự nhiên - kỹ thuật (KHTN&KT) đã phát triển như vũ bão, với những thành tựu to lớn không ai chối cãi được, và ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống sản xuất, tri thức của nhân loại. Trong khi đó, khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) chịu sự chi phối của các hệ tư tưởng, các khuynh hướng triết học, xã hội học, văn hóa học cũng như tính phức tạp cố hữu của tâm lý và tâm linh con người, không phải lúc nào cũng chứng tỏ được vai trò của nó. Sự lồi cuồn của KHTN&KT là điều dĩ nhiên. Từ đây, trong giáo dục, người ta thấy rõ học sinh sinh viên thiên về KHTN&KT, học giỏi và học chăm những ngành thuộc lĩnh vực này, công tác giáo dục KHTN&KT cũng tiến bộ rất nhanh, thu kết quả rõ rệt, nhất là từ khi bắt đầu kỷ nguyên tin học, với sự xuất hiện của công nghiệp điện tử và Internet. Nhà trường không phải không giáo dục KHXH&NV, nhưng hiệu quả trong lĩnh vực này còn rất khiêm tốn. Cho nên, việc kết hợp một cách cân bằng giáo dục KHTN&KT và giáo dục KHXH&NV trở thành một nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài của nền giáo dục tất cả các nước trên thế giới, không

phân biệt phát triển, đang phát triển hay chậm phát triển.

Ở đây, thông qua những tài liệu có được, chúng ta có thể nêu một số quan điểm nhìn nhận như sau:

1) Giáo dục là một bộ phận của văn hóa. Vì vậy, công tác giáo dục là một yếu tố để đưa nền văn hóa tiến lên hay làm tổn hại đến nền văn hóa. Mặt khác, nguyên nhân sự tồn tại của giáo dục chính là phát triển văn hóa hay phát triển con người có văn hóa. Có thể nói rằng, giáo dục chính là “sự văn hóa của người và sự nhân hóa của văn” (6). Ngược lại, định hướng của xã hội nếu chỉ nhìn vào sự tiến bộ khoa học tự nhiên - xã hội mà không xét đến văn hóa sẽ là sự định hướng phiến diện, thực dụng, và xét cho cùng, sẽ kìm hãm sự phát triển của xã hội.

2) Giáo dục trước hết là vun đắp con người. Trong con người, phải chú ý trước hết đến thiên hướng nhân đạo và năng lực của cá nhân. Kiến thức KHTN&KT không thể nào là đầy đủ, nếu người ta xác định rằng yêu cầu của xây dựng con người theo đúng như tuyên bố của Hội nghị quốc tế về giáo dục ở Geneve năm 1994: “Nếu chúng ta thực sự muốn bảo vệ sự đa dạng và khuyến khích khả năng của chúng ta trở thành những chủ nhân của cuộc đời mình để làm thế nào tự mình vạch ra tương lai của mình, thì hệ thống giáo dục không được trở thành đơn điệu và cứng nhắc, mà trong tất cả mức độ có thể, phải dựa vào sự tiếp nhận cá nhân hóa. Chúng ta phải có những người giảng dạy, theo dõi sự tiến bộ của mỗi một em bé và khai thác tiềm năng của mỗi một học sinh, bởi vì mỗi người trong số họ là độc nhất vô nhị” (Dẫn theo: 1). Một yêu cầu như thế

không thể nào đạt được nếu không có tác động của các KHXH&NV.

3) Trong xây dựng con người, người ta thường nói đến xây dựng trí thức. Nhưng riêng trí thức không có sự hướng dẫn của những luận điểm KHXH&NV được lĩnh hội một cách sâu sắc và sáng tạo thì không thể nào trở thành trí tuệ và trí tuệ mới là điều cần thiết cho con người. Ở đây, chúng ta không quên công thức của giáo dục được hiểu một cách nhất quán: “Tích lũy tri thức thành trí tuệ - chuyển trí tuệ thành phẩm chất - chuyển phẩm chất thành hành động”. Công thức này chính là quá trình của con người có đầy đủ những phẩm chất của tâm hồn và lý trí để lý giải được những hiện tượng và vấn đề trong cuộc sống, kể cả những hiện tượng và vấn đề của KHTN&KT. Đó cũng là con người biết thống nhất giữa tự chủ và trách nhiệm, giữa tiếp nhận và sáng tạo, biết tự ý thức về giá trị, giá trị của mình cũng như của xã hội, và đến lượt mình tạo ra những giá trị đó. Đó là sức mạnh của tình cảm và lý trí được bồi dưỡng bằng các KHXH&NV.

4) Khoa học tự nhiên và kỹ thuật càng phát triển thì người ta càng nhận thấy môi trường sinh thái bị tổn thương và bị đe dọa nghiêm trọng. Môi trường sinh thái ở đây được quan niệm một cách rộng rãi là cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Nếu xã hội và con người không xây dựng được mối quan hệ hài hòa và tốt đẹp trong các môi trường này thì sự tiêu diệt của chính con người và xã hội là điều khó tránh khỏi. Nên giáo dục phải tạo nên những con người “biết, làm, tồn tại, quan hệ với người khác” (1).

5) Cuối cùng, chúng ta phải nói thêm đến việc sử dụng khoa học công nghệ hiện đại, đặc biệt những thành tựu

tin học hiện đại, trong đó có mạng Internet, vào công tác giảng dạy và học tập. Không nghi ngờ gì nữa, đây là một khuynh hướng xuất hiện cùng với những thành tựu khoa học kỹ thuật của loài người, và những lợi ích mà nó đem lại không thể nào tính hết được. Có thể nói một cách tóm tắt: khoa học kỹ thuật hiện đại đã giúp cho những bài học ở nhà trường trở nên sinh động, cụ thể, dễ thu nhận mà vẫn rất nhẹ nhàng, thanh thoát. Các phương tiện nghe nhìn thu hút sự chú ý của học sinh, đồng thời, làm nhẹ đi rất nhiều lao động của người thầy. Thông qua mạng, sự kết nối của một lớp học với những lớp học, trường học khác, với những cơ sở khoa học, tư liệu, sản xuất có liên quan đã mở rộng rất nhiều tầm hiểu biết của cả người dạy lẫn người học. Đặc biệt, việc học từ xa nằm trong chương trình phổ cập giáo dục sẽ có thể được thực hiện một cách có hiệu quả với những phương tiện hiện đại, khắc phục được khoảng cách không gian và thời gian. Ở đây, chúng ta phản đối luận điểm của một số nhà sư phạm đặt đối lập chữ viết với các phương tiện nghe nhìn, cũng như đặt đối lập những phương pháp giáo dục truyền thống với những phương pháp giáo dục bằng phương tiện hiện đại. Ngược lại, phải thấy rằng, cần lấy phương pháp truyền thống làm cơ sở để thực hiện những phương pháp hiện đại trong một sự kết hợp có cân nhắc. Khi nói đến những lời tố cáo các phương tiện truyền hình và tin học hiện đại được sử dụng trong giáo dục, nhà sư phạm Francis Balle cho rằng những lời tố cáo ấy “xét cho cùng, chỉ làm chúng ta quan tâm tìm cách chỉ ra được những con đường chân chính của tự do cho con người hành động cũng như con người tư duy” (7). Tuy vậy, ở đây, cũng cần phải xác định một số điều về nhận thức và thực tiễn:

- Nhà trường, giáo viên cũng như học sinh phải nhận thức rằng: thời đại này là thời đại của tin học, nhà trường là một thành tố của thời đại cũng không thể tự mình đứng biệt lập, mà phải mang trong mình tất cả những đặc điểm của thời đại, đồng thời, vì nó là cơ sở đào tạo con người nên nó phải chuẩn bị một cách tốt nhất cho những con người sống và lao động trong thời đại tin học.

- Mặc dầu các phương tiện tin học hiện đại mang tới rất nhiều thuận lợi, làm nhẹ đi, làm đơn giản đi rất nhiều công đoạn giảng dạy và học tập, nhưng lại không được lạm dụng các phương tiện hiện đại một cách thái quá. Chủ thể của giảng dạy và học tập vẫn là những con người. Ở nơi nào có thể và cần đến tư duy của con người, thì con người phải phát huy vai trò của mình mà không thể phó mặc tất cả cho máy móc. Cần nhớ rằng, dù các phương tiện có tinh xảo và tài tình đến mấy thì con người vẫn phải làm chủ phương tiện chứ không thể là nô lệ của phương tiện. Lớp học không thể là nơi để cho con người bị sai khiến bởi máy móc, hay hơn thế, nô lệ của máy móc, mà phải là nơi con người điều hành máy móc để phục vụ cho sự phát triển trí tuệ của chính mình. Ở đây, cần phải nhắc đến sự phân bố thời gian của việc học tập: đâu là những giờ học có sự tham gia của máy móc, đâu là những giờ học chỉ có sự giao tiếp giữa con người, và đâu là những giờ học con người tiếp xúc với tự nhiên không thông qua bất cứ một trung gian máy móc nào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dẫn theo tài liệu “Giáo dục ở chân trời, năm 2020: Có khoảng cách hay không có khoảng cách” của UNESCO công bố năm 2005 tại Paris. Bản dịch của Viện Thông tin Khoa học xã hội, 2006.
2. Mark Bray. Tư nhân hoá giáo dục trung học: phân tích và hậu quả đối với những chính sách theo đuổi. Tài liệu của Trung tâm nghiên cứu giáo dục so sánh thuộc Đại học Tổng hợp Hong Kong. UNESCO công bố tại Paris năm 2005. Bản dịch của Viện Thông tin Khoa học xã hội, 2006.
3. Kozakiewicz. Trường học tư nhân. Kinh nghiệm và suy nghĩ. Tài liệu của UNESCO công bố tại Paris năm 2005. Bản dịch của Viện Thông tin Khoa học xã hội, 2006.
4. E. C. Demidenko. Triển vọng của giáo dục trong thế giới đang thay đổi. Tạp chí *Sociologicheskie issledovanija*. No2, 2005.
5. Mark Lincicome. Toàn cầu hoá, giáo dục và quan điểm chính trị về bản sắc. Tạp chí *Critical Asian Studies*, Vol 37, No2, 2005.
6. Lun Jiaoxue Wenhua. Bàn về văn hoá dạy học (tập hợp phát biểu của nhiều tác giả). Tạp chí *Jiao yu yan jiu*, 2008n., d.4g., d.46-55 y.
7. Francis Balle. Nhà trường và vô tuyến truyền hình. Tạp chí *Communication et Langages*, No1 00/101, 2^e et 3^e trimestre 1999.